

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Phương T - Sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4a, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồi C 2, phường Yên B, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Xóm 4a, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Vũ Phương T và anh Nguyễn Văn L.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung (riêng):** Giao cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2002; cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2005 và cháu Nguyễn

Đức T, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2009 cho anh Nguyễn Văn L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Vũ Phương T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi ba cháu là cháu Nguyễn Diệu L, cháu Nguyễn Phương L và cháu Nguyễn Đức T cùng với anh Nguyễn Văn L hàng tháng với mức mỗi cháu một tháng là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), kể từ tháng 10 năm 2019 cho tới khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Chị Vũ Phương T có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Chị Vũ Phương T và anh Nguyễn Văn L không có con riêng nên chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Vũ Phương T không thi hành hết khoản tiền trên thì chị T phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự.

**2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp:** Chị Vũ Phương T và anh Nguyễn Văn L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên chị T và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3. Về án phí:** Chị Vũ Phương T nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002093 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Vũ Nhật Trung**